TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2017/HSST.
Ngày 05/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Hà Minh Quân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lò Văn Khẹt. Nghề nghiệp: Giáo viên.
Bà Quàng Thị Hỏa.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/HSST-QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: **Lò Văn N,** sinh ngày 15 tháng 6 năm 1997, tại thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. NĐKNKTT và chỗ ở: Bản N, thị trấn Ít O, huyện M, tỉnh Sơn La. Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ văn hoá: 12/12. Đoàn thể đảng phái: Không. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Lò Văn U, sinh năm 1974 và con bà: Vì Thị B, sinh năm 1976. Hiện nay bố, mẹ bị cáo cư trú tại bản N, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06 tháng 4 năm 2017 đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Lò Văn K,** sinh ngày 08 tháng 7 năm 1999, tại thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. NĐKNKTT và chỗ ở: Bản N, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ văn hoá: 11/12. Đoàn thể đảng phái: Không. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông: Nguyễn Văn Q (không xác định được năm sinh và nơi trú quán).Con bà: Lò Thị M, sinh

năm 1976. Hiện nay mẹ bị cáo cư trú tại bản N, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06 tháng 4 năm 2017 đến nay có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lò Văn K: Bà Lò Thị M, sinh năm 1976 (mẹ đẻ bị cáo Lò Văn K). Trú tại: Bản N, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn K: ông Trần Minh Huấn - Luật sư - Văn phòng luật sư Trần Huấn - Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

1. Anh Quàng Văn H, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1999. Trú tại: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Anh Cà Văn K, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2001. Trú tại: Bản L, xã H, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Cà Văn K: ông Cà Văn T, sinh năm 1975 (là bố đẻ Cà Văn K). Trú tại: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Ngày 15 tháng 10 năm 2016 Lò Văn N rủ Lò Văn K đi đến khu phòng trọ của Quàng Văn H (nhà trọ TD đo ông Đào Văn T làm chủ) thuộc Tiểu khu 4, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La, Lò Văn K đứng ngoài cửa canh gác còn Lò Văn N vào phòng trọ dọa H: Mày đưa cho bọn anh hai ba trăm nghìn, nếu không đưa bọn anh sẽ đánh mày, do sợ bị đánh nên H đưa cho N 150.000VNĐ, N cầm tiền rồi cùng Lò Văn K chi tiêu ăn uống hết.

Ngày 26 tháng 3 năm 2017 Lò Văn N, Lò Văn K lại đến phòng trọ của Quàng Văn H để đe dọa lấy tiền, Lò Văn K đứng ngoài canh gác, còn N vào trong phòng trợn mắt nói với H "mày có tiền không đưa cho tao", H trả lời "không có", N nhìn thấy H đang đeo chiếc lắc tay bằng kim loại nên nói với H "Nếu không đưa tiền hoặc lắc tay thì tao với K sẽ đánh mày", Quàng văn H sợ bị đánh nên đưa cho N 100.000VNĐ. N cầm tiền rồi cùng K chi tiêu hết.

Trong tháng 8 năm 2016 (không xác định được ngày cụ thể) Lò Văn N, Lò Văn K đến phòng trọ của Cà Văn K (thuê nhà trọ của bà Vũ Thị T) Tiểu khu

4, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La, N bảo Lò Văn K đứng ngoài cửa canh phòng, còn N vào trong phòng Cà Văn K. N nói với Cà Văn K "Mày có tiền không đưa cho anh" Cà Văn K trả lời "em không có tiền" N trợn mắt và quát "Mày không đưa tiền tao với K sẽ đánh mày, thế mày có điện thoại không mang đi cắm lấy tiền cho anh". Do biết N là người nghiện ma túy, sợ bị đánh nên Cà Văn K đem chiếc điện thoại đang dùng (nhãn hiệu Weybc) đến cửa hàng HH tiểu khu 1, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La cắm lấy 100.000VNĐ đưa cho N và Lò Văn K.

Trong tháng 10 năm 2016 (không xác định được ngày cụ thể), N và K dùng thủ đoạn tương tự chiếm đoạt của Cà Văn K 01 lần nữa với số tiền 80.000VNĐ.

Ngoài ra trong tháng 10 năm 2016 Lò Văn N còn một mình dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt của Cà Văn K 03 lần, lần thứ nhất N dọa ép Cà Văn K đưa cho Nghĩa 100.000VNĐ, lần thứ hai N ép Cà Văn K đem điện thoại (hiệu Weybc) đến cửa hàng điện thoại của Trần Như T (sinh năm 1986, trú tại tiểu khu 5, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La cắm được 50.000VNĐ, lần thứ ba N đe dọa ép K đưa cho 50.000VNĐ. (số tiền cả 03 lần N chiếm đoạt của Cà Văn K là 200.000VNĐ)

Tổng số tiền Lò Văn N và Lò Văn K chiếm đoạt của Cà Văn K và Quàng Văn Hlà 430.000VNĐ

Đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo: Lò Văn N, Lò Văn K đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản.

Bản cáo trạng số 456/KSĐT-TA ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo: Lò Văn N, Lò Văn K về tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Lò Văn N, Lò Văn K phạm tội Cưỡng đoạt tài sản; Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g, h, n khoản 1 Điều 48. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 14 đến 20 Tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g, h, khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 68, Điều 69, Điều 70; Điều 71; Điều 74 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 08 đến 12Tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Về phần trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Quàng Văn H, Cà Văn K và người đại diện hợp pháp cho Cà Văn K đã nhận lại được toàn bộ tài sản do các bị cáo cưỡng đoạt. Tại phiên tòa trình bầy không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn K ông Trần Minh Huấn trình bầy lời bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lò Văn K có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải do đó đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các tình tiết giản nhẹ cho bị cáo theo điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 68, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự

Bị cáo Lò Văn K, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát

Bị cáo Lò Văn N, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn K thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2016 Lò Văn N và Lò Văn K đã 02 lần đến phòng trọ của Cà Văn K ở tiểu Khu 4, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần chiếm đoạt tài sản của Cà Văn K số tiền

180.000đ. Ngày 15/10/2016 và ngày 26/3/2017 Lò Văn N và Lò Văn K cùng nhau đến phòng trọ của Quàng Văn H ở Tiểu Khu 4, thị trấn O, huyện M, tỉnh Sơn La rồi đe dọa chiếm đoạt của Quàng Văn H số tiền 250.000VNĐ.

Ngoài ra từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017 một mình Lò Văn N còn cưỡng đoạt của Cà Văn K 03 lần với tổng số tiền 200.000VNĐ.

Số tiền các bị cáo cưỡng đoạt của Quàng Văn H và Cà Văn K các bị cáo đã tiêu sài hết.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Đơn trình báo của Cà Văn K, Quàng Văn H, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của các bị cáo.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn K đã thực hiện hành vi Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 135 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 16/6/2017 của Công an huyện Mường La đối với các bị cáo. Xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, sống phụ thuộc vào gia đình, không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo.

Về nhân thân:

Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy.

Tình tiết tăng nặng bị cáo Lò Văn N có 03 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, h, n Điều 48 BLHS phạm tội nhiều lần, phạm tội với trẻ em, xúi giục người chưa thành niên phạm tội.

Bị cáo Lò Văn K có 02 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, h Điều 48 BLHS phạm tội nhiều lần, phạm tội với trẻ em.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực, tác động gia đình, để gia đình các bị cáo khắc phục hâu quả bồi thường cho những người bị

hại, các bị cáo phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn, các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lò Văn K khi phạm tội, trong độ tuổi vị thành niên. Nên áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại Điều 68, 69, 70, 71, 74 BLHS

Về đồng phạn: Trong vụ án này bị cáo Lò Văn N là người khởi xướng, rủ rê, là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Lò Văn K sau khi được Lò Văn N rủ bị cáo đồng ý thực hiện tội phạm cùng bị cáo Lò Văn N nên giữa vai trò đồng phạm trong vụ án.

Về phần trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Quàng Văn H đã nhận lại được toàn bộ tài sản do các bị cáo cưỡng đoạt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn Quàng Văn H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Người bị hại Cà Văn K và người đại diện hợp pháp cho Cà Văn K, tại phiên tòa trình bầy đã nhận lại đươc toàn bộ tài sản do các bị cáo cướng đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và không yêu câu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Đối với Hoàng Văn Đ và Trần Như T đều là người cho Cà Văn K cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Weybc sau đó đã cho Cà Văn K chuộc lại. Nên Hoàng Văn Đ và Trần Như T đều không câu thành tội phạm.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo, Lò Văn N và Lò Văn K phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

1. Áp dung khoản 1 Điều 135; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, h, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06 tháng 4 năm 2017.

Áp dung khoản 1 Điều 135; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, h, khoản 1 Điều 48; Điêu 20; Điều 53; Điều 68; Điều 69; Điều 70; Điều 71; Điều 74 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lò Văn K 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06 tháng 4 năm 2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Lò Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lò Văn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 05/9/2017.

Người bị hại Quàng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND.Mường La (2);
- Công an.Mường La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; 2;
- Người ĐDHPCBC;
- Luật sư bào chữa cho BC;
- Người ĐDHPCNBH;
- Chi cục THADS huyện.Mường La;
- THA.Hình sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Hà Minh Quân